

**BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ
NĂM 2024**

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai Ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách.

Hôm nay ngày 4 tháng 1 năm 2024.

Tại Bộ phận một cửa của UBND xã Cẩm Vấn.

Chúng tôi gồm có:

- | | |
|-------------------------|--|
| 1. Ông Trần Thế Tuyền | Chức vụ: Chủ tịch |
| 2. Ông Nguyễn Tiến Thủy | Chức vụ: Phó chủ tịch |
| 3. Bà: Phạm Thị Lư | Chức vụ: Công chức Tài chính - Kế toán |
| 4. Ông Trần Văn Việt | Chức vụ: Công chức Văn phòng |

Tiến hành lập Biên bản niêm yết công khai Dự toán thu chi ngân sách năm 2024.

(Kèm theo Biểu số 103/CKTC-NSNN; Biểu số 104/CKTC-NSNN; Biểu số 105/CKTC-NSNN, Biểu số 108/CKTC-NSNN; Biểu số 109/CKTC-NSNN; Biểu số 110/CKTC-NSNN).

Thời gian niêm yết: Từ ngày 04/01/2024 đến hết ngày 04/02/2024.

Biên bản được lập thành 02 bản, Lưu tại bộ phận một cửa 01 bản, lưu tại phòng kế toán 01 bản.

Người có trách nhiệm niêm yết

Phạm Thị Lư

Trần Văn Việt



Trần Thế Tuyền

Các thành viên

Nguyễn Tiến Thủy



CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	5.445.823	TỔNG SỐ CHI	5.445.823
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	134.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	457.000	II. Chi thường xuyên	5.445.823
III. Thu bổ sung	4.854.823	III. Dự phòng	
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.854.823		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



UBND Xã: Cam Ván

Biểu số 104/CK TC - NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2024		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu		16.893.046		5.445.823		32,24
I	Các khoản thu 100%		258.414		134.000		51,85
1	Phí, lệ phí		19.674		15.000		76,24
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		153.440		100.000		65,17
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		1.800				
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác		83.500		19.000		22,75
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		2.138.644		457.000		21,37
1	Các khoản thu phân chia		278.986		128.000		45,88
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		61.082		59.000		96,59
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		25.100		20.000		79,68
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		192.803		49.000		25,41
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		1.859.659		329.000		17,69
2.1	Thu tiền sử dụng đất		1.454.943				
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng		253.538				
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp				205.000		
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		151.178		124.000		82,02
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn		642.716				

STT	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2023 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2024		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Thu chuyển nguồn		642.716				
V	Thu kết dư ngân sách năm trước						
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		13.853.273		4.854.823		35,04
1	Thu bổ sung cân đối		3.962.132		4.854.823		122,53
2	Thu bổ sung có mục tiêu		9.891.141				



UBND Xã: Cẩm Văn

Biểu số 108/CK TC - NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	5.445.823	TỔNG SỐ CHI	5.445.823
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	134.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	457.000	II. Chi thường xuyên	5.445.823
III. Thu bổ sung	4.854.823	III. Dự phòng	
- Bổ sung cân đối ngân sách	4.854.823		
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



UBND Xã: Cẩm Văn

Biểu số 109/CK TC - NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	Tổng số thu		5.445.823
I	Các khoản thu 100%		134.000
1	Phí, lệ phí		15.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		100.000
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác		19.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)		457.000
1	Các khoản thu phân chia		128.000
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		59.000
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		20.000
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất		49.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		329.000
2.1	Thu tiền sử dụng đất		
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước		
2.3	Thuế tài nguyên		
2.4	Thuế giá trị gia tăng		
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp		205.000
2.6	Thuế thu nhập cá nhân		124.000
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên		4.854.823
1	Thu bổ sung cân đối		4.854.823
2	Thu bổ sung có mục tiêu		



UBND Xã: Cẩm Văn

Biểu số 110/CK TC - NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYỀN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	5.445.823		5.445.823
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục			
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ			
3	Chi y tế	18.000		18.000
4	Chi văn hóa, thông tin	63.600		63.600
5	Chi phát thanh, truyền thanh	18.000		18.000
6	Chi thể dục, thể thao	18.000		18.000
7	Chi bảo vệ môi trường			
8	Chi các hoạt động kinh tế	36.000		36.000
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.906.869		4.906.869
10	Chi cho công tác xã hội	385.354		385.354
11	Chi khác			
12	Dự phòng			